THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/2016/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định các trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định các trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định các trường hợp, điều kiện, tiêu chí, thủ tục xem xét, cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Danh mục cấm nhập khẩu) theo quy định tại Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến việc nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin thuộc Danh mục cấm nhập khẩu (sau đây gọi là người nhập khẩu) và cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. "Sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng" là sản phẩm công nghệ thông tin được thiết kế và sử dụng để thực hiện những công việc đặc biệt trong các ngành sản xuất chuyên môn hoặc phục vụ trong phòng thí nghiệm, phòng đo kiểm, không phải là sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng thông thường.

2. "Tân trang, làm mới" là các hoạt động sửa chữa, thay thế linh kiện, phục hồi chức năng và hình thức tương đương với sản phẩm mới cùng chủng loại.

3. "Sản phẩm công nghệ thông tin được tân trang, làm mới" là sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng được sửa chữa, thay thế linh kiện, phục hồi chức năng, hình thức để có chức năng, hình thức tương đương và có chế độ bảo hành như sản phẩm mới cùng chủng loại. Sản phẩm tân trang, làm mới phải có nhãn hàng hóa bằng tiếng Việt ghi rõ là sản phẩm tân trang, làm mới hoặc bằng tiếng Anh có ý nghĩa tương đương.

4. "Hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm" là hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, tham gia thực hiện một hoặc nhiều công đoạn trong quy trình sản xuất sản phẩm phần mềm nhằm tạo mới hoặc nâng cấp, chỉnh sửa, hoàn thiện phần mềm.

5. "Gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin" là dịch vụ trong đó tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thực hiện một hoặc nhiều quy trình nghiệp vụ cho khách hàng ở ngoài lãnh thổ Việt Nam thông qua phương tiện công nghệ thông tin, viễn thông.

6. "Xử lý dữ liệu" là các hoạt động làm sạch, phân tích, chuyển đổi dữ liệu, xử lý hoàn chỉnh và báo cáo kết quả đầu ra cụ thể từ các dữ liệu do khách hàng cung cấp.

Điều 3. Nguyên tắc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu

1. Hàng hóa đã qua sử dụng được nhập khẩu phải bảo đảm các quy định liên quan về an toàn, chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2. Không xem xét, cho phép nhập khẩu các hàng hóa đã qua sử dụng mà các nước đã công bố loại bỏ vì lạc hậu, chất lượng kém, gây ô nhiễm môi trường.

3. Hàng hóa đã qua sử dụng được nhập khẩu ngoài việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chí quy định tại Điều 5 Quyết định này, phải đáp ứng các quy định hiện hành về nhập khẩu hàng hóa.

Điều 4. Các trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu

1. Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng theo hình thức di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một tổ chức.

2. Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng để làm thiết bị điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất.

3. Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng để phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài.

4. Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng đã qua sử dụng.

5. Tái nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã hết thời hạn bảo hành sau khi đưa ra nước ngoài để sửa chữa.

6. Nhập khẩu sản phẩm, linh kiện đã được tân trang, làm mới để thay thế, sửa chữa cho người sử dụng trong nước mà sản phẩm, linh kiện đó hiện nay không còn được sản xuất.

Điều 5. Điều kiện, tiêu chí đối với các trường hợp cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu

1. Người nhập khẩu là tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Điều kiện, tiêu chí cụ thể đối với các trường hợp cho phép nhập khẩu quy định tại Điều 4 Quyết định này như sau:

a) Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng theo hình thức di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một tổ chức:

- Sản phẩm nhập khẩu chỉ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất của người nhập khẩu;

- Sản phẩm nhập khẩu phải là tài sản của tổ chức ở nước ngoài có mối quan hệ với người nhập khẩu thông qua sở hữu cổ phần, phần góp vốn hoặc liên kết khác.

b) Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng để làm thiết bị điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất:

- Sản phẩm nhập khẩu chỉ phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất của người nhập khẩu;

- Sản phẩm nhập khẩu phải là thiết bị, bộ phận cấu thành của hệ thống, dây chuyền sản xuất.

c) Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng để phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài:

Sản phẩm nhập khẩu phải tái xuất sau khi kết thúc hợp đồng sản xuất sản phẩm phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài.

d) Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng đã qua sử dụng:

- Sản phẩm nhập khẩu phải có hiệu quả sử dụng thực tế cho quá trình sản xuất;

- Sản phẩm nhập khẩu đã có thời hạn sử dụng không quá 03 (ba) năm kể từ ngày sản xuất đến ngày mở tờ khai nhập khẩu.

đ) Tái nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã hết thời hạn bảo hành sau khi đưa ra nước ngoài để sửa chữa:

Sản phẩm công nghệ thông tin tái nhập khẩu phải chính là sản phẩm đã xuất khẩu trước đó.

e) Nhập khẩu sản phẩm, linh kiện đã được tân trang, làm mới để thay thế, sửa chữa cho người sử dụng trong nước mà sản phẩm, linh kiện đó hiện nay không còn được sản xuất:

- Sản phẩm nhập khẩu phải có chức năng, hình thức tương đương và có chế độ bảo hành như sản phẩm mới; có nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật;

- Sản phẩm, linh kiện nhập khẩu chỉ được sử dụng với mục đích thay thế cho các sản phẩm, linh kiện bị lỗi, hỏng của khách hàng trong nước, không được chuyển nhượng, bán lại;

- Sản phẩm, linh kiện hỏng được thu hồi sau khi thay thế cho khách hàng phải được tái xuất hoặc xử lý tiêu hủy theo quy định của pháp luật;

- Định kỳ hàng năm, tổ chức, doanh nghiệp báo cáo số lượng nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này và bản sao Tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu về Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 6. Thẩm quyền cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu đối với các trường hợp quy định tại Điều 4 Quyết định này.

2. Việc cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu ngoài các trường hợp quy định tại Điều 4 Quyết định này do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu

Hồ sơ đề nghị cho phép nhập khẩu bao gồm:

1. Đơn đề nghị cho phép nhập khẩu của người nhập khẩu, trong đó ghi rõ các nội dung liên quan đến thông tin của người nhập khẩu, hàng hóa và cam kết tuân thủ mục đích sử dụng theo quy định tại Điều 4 Quyết định này. Đơn đề nghị cho phép nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này: 01 (một) bản chính.

2. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định, giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép đầu tư): 01 (một) bản sao có chứng thực, trường hợp nộp bản sao không có chứng thực thì khi nộp phải mang theo bản chính để đối chiếu.

3. Tài liệu cụ thể đối với các trường hợp quy định tại Điều 4 Quyết định này như sau:

a) Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng theo hình thức di chuyển phương tiện sản xuất trong cùng một tổ chức:

- Tài liệu kỹ thuật mô tả sản phẩm: 01 (một) bản sao;

- Tài liệu chứng minh sản phẩm công nghệ thông tin nhập khẩu là tài sản của doanh nghiệp nước ngoài có mối quan hệ với người nhập khẩu và được sử dụng làm phương tiện sản xuất của người nhập khẩu: 01 (một) bản chính;

- Tài liệu thể hiện nguồn gốc sản phẩm (hóa đơn, hợp đồng mua bán hoặc tài liệu tương đương): 01 (một) bản sao;

- Quyết định di chuyển tài sản của tổ chức: 01 (một) bản chính.

b) Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng để làm thiết bị điều khiển, vận hành, khai thác, kiểm tra hoạt động của một phần hoặc toàn bộ hệ thống, dây chuyền sản xuất:

- Tài liệu kỹ thuật mô tả sản phẩm: 01 (một) bản sao;

- Tài liệu chứng minh sản phẩm công nghệ thông tin nhập khẩu là thiết bị hoặc bộ phận cấu thành của hệ thống, dây chuyền sản xuất: 01 (một) bản chính;

- Tài liệu thể hiện nguồn gốc sản phẩm (hóa đơn, hợp đồng mua bán hoặc tài liệu tương đương): 01 (một) bản sao.

c) Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng để phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài:

- Tài liệu kỹ thuật mô tả sản phẩm: 01 (một) bản sao;

- Hợp đồng hoặc tài liệu khác thể hiện việc sử dụng sản phẩm vào mục đích sản xuất sản phẩm phần mềm, gia công quy trình kinh doanh bằng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu cho đối tác nước ngoài: 01 (một) bản sao.

d) Nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng đã qua sử dụng:

- Tài liệu kỹ thuật mô tả sản phẩm: 01 (một) bản sao;

- Tài liệu chứng minh là sản phẩm công nghệ thông tin chuyên dùng: 01 (một) bản chính;

- Tài liệu thể hiện nguồn gốc sản phẩm (hóa đơn, hợp đồng mua bán hoặc tài liệu tương đương): 01 (một) bản sao.

đ) Tái nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã hết thời hạn bảo hành sau khi đưa ra nước ngoài để sửa chữa:

- Hợp đồng thực hiện dịch vụ sửa chữa: 01 (một) bản sao;

- Tài liệu thể hiện nguồn gốc sản phẩm (hóa đơn, hợp đồng mua bán hoặc tài liệu tương đương): 01 (một) bản sao;

- Hồ sơ xuất khẩu: 01 (một) bản sao.

e) Nhập khẩu sản phẩm, linh kiện đã được tân trang, làm mới để thay thế, sửa chữa cho người sử dụng trong nước mà sản phẩm, linh kiện đó hiện nay không còn được sản xuất:

- Tài liệu báo cáo về việc thiết lập hệ thống dịch vụ bảo hành, bảo trì cho khách hàng trong nước, trong đó nêu rõ các quy trình, công đoạn của hệ thống dịch vụ bảo hành, bảo trì: 01 (một) bản chính;

- Văn bản ủy quyền cho người nhập khẩu thay mặt thực hiện dịch vụ bảo hành, bảo trì, thay thế, sửa chữa, trong đó có điều khoản quy định về trách nhiệm của các bên (áp dụng đối với hình thức thuê bên thứ ba thực hiện dịch vụ): 01 (một) bản sao;

- Tài liệu của nhà sản xuất chứng minh đã dừng không sản xuất sản phẩm, linh kiện: 01 (một) bản sao.

Điều 8. Thủ tục cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu

1. Hồ sơ đề nghị cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục cấm nhập khẩu gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Trong trường hợp người nhập khẩu cung cấp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, Bộ Thông tin và Truyền thông có thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời cho phép nhập khẩu. Trường hợp không cho phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương hướng dẫn triển khai, giám sát việc thực hiện Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các tổ chức, doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa theo quy định tại Quyết định này;

c) Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, doanh nghiệp phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục I

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP NHẬP KHẨU HÀNG HÓA THUỘC DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG CẤM NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

(Tên tổ chức, doanh nghiệp)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG THUỘC DANH MỤC CẤM NHẬP KHẨU

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....
Mã số thuế:.....
2. Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Fax:.....
E-mail:.....
3. Hàng hóa nhập khẩu đề nghị nhập khẩu:
Tên hàng hóa:.....
Mã HS:.....
Số lượng:.....
Mô tả hàng hóa[1]:.....
4. Trường hợp nhập khẩu:
.....

[1] Đối với trường hợp quy định tại Khoản 1, 2 và 4 Điều 4 Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, phải nêu rõ xuất xứ, giá trị và mục đích sử dụng của hàng hóa. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 3, 5 và 6 Điều 4 Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, phải nêu rõ xuất xứ, mã sản phẩm. Trong trường hợp hàng hóa bao gồm nhiều loại, người nhập khẩu có thể lập danh mục kèm theo đơn và phải bảo đảm đầy đủ các thông tin theo quy định.

5. Địa điểm nhập khẩu:.....

6. Hồ sơ kèm theo[2]:

- .....

- .....

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật và của Bộ Thông tin và Truyền thông về nhập khẩu, sử dụng sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng./.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu theo quy định)

[2] Đối với từng trường hợp, hồ sơ được quy định tại Điều 7 Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Phụ lục II
MẪU BÁO CÁO SỐ LƯỢNG NHẬP KHẨU
SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

(Tên tổ chức, doanh nghiệp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG NHẬP KHẨU
SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....
Mã số thuế: .....
2. Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
Fax:.....
E-mail:.....
3. Thời gian thực hiện:
Ngày bắt đầu:.....
Ngày kết thúc:.....
4. Báo cáo nhập khẩu theo Tờ khai Hải quan

STT	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Tờ khai nhập khẩu số, ngày	Số lượng	Trị giá
TỔNG CỘNG						

5. Báo cáo số lượng đã sửa chữa, thay thế, tái xuất, tiêu hủy

STT	Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Số hóa đơn, hợp đồng	Số lượng	Trị giá
TỔNG CỘNG						

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu theo quy định)